|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐHDL PHƯƠNG ĐÔNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 143 /QĐ-ĐHPĐ-ĐT ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Dân lập Phương Đông )*

**Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Sinh viên năm thứ nhất: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ; |
| b) Sinh viên năm thứ hai: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ; |
| c) Sinh viên năm thứ ba: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ đến dưới 105 tín chỉ; |
| d) Sinh viên năm thứ tư: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 105 tín chỉ đến dưới 140 tín chỉ; |
| đ) Sinh viên năm thứ năm: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 140 tín chỉ trở lên. |

2. Việc xếp hạng năm đào tạo cho sinh viên có thể phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau, trong đó có:

a) Cấp giấy chứng nhận cho sinh viên khi cần thiết;

b) Xác định điều kiện tham dự những học phần có yêu cầu;

c) Xác định mức ưu tiên trong các chế độ, chính sách,...

3. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích luỹ, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Học lực** | **Xếp loại** | **Điểm TBC tích luỹ** |
| Bình thường | Xuất sắc | từ 3,60 đến 4,00 |
| Giỏi | từ 3,20 đến 3,59 |
| Khá | từ 2,50 đến 3,19 |
| Trung bình | từ 2,00 đến 2,49 |
| Yếu, kém | Yếu | từ 1,00 đến 1,99 |
| Kém | Dưới 1,00 |

4. Kết quả học tập của học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập của học kỳ chính ngay sau học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.